# Tuần 39 (21/9-25/9)

# BSC WEEKLY REVIEW

## *Tăng giao dịch, chờ vượt đỉnh 905 điểm*

# NỘI DUNG


**1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI:** *Tăng giao dịch, chờ vượt đỉnh 905 điểm*

**2. PTKT VN-INDEX:** *Tiềm năng bứt phá vượt 900 điểm*

**3. TIN VĨ MÔ:** *FED giữ lãi suất thấp tới năm 2023*

**4. PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU:** *NTP SHS STK FRT*

**5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG:** *Ngành tài nguyên cơ bản tăng tích cực +4.76%*

**6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN:** *Khối ngoại duy trì bán ròng dù quy mô giảm lại*

**7. CẬP NHẬT I-BROKER**

**8. CẬP NHẬT i-INVEST**

**9. CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT**

**10. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG**


BSC

# CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Tăng giao dịch, chờ vượt đỉnh 905 điểm*

| | Điểm số | Thay đổi (%) |
|---|---|---|
| **VN-INDEX** | **900.95** | **1.35%** |
| Khối lượng (triệu CP) | **1558.57** | **44.99%** |
| Khối ngoại (tỷ VND) | -1131.59 | |
| **HNX-INDEX** | **129.20** | **2.37%** |
| Khối lượng (triệu CP) | **268.82** | **34.44%** |
| Khối ngoại (tỷ VND) | -69.89 | |
| **VN30F2010** | **846.30** | **1.71%** |
| **VN30F2011** | **844.20** | **1.67%** |
| **VN30F2012** | **843.30** | **1.72%** |
| **VN30F2103** | **840.00** | **1.84%** |

Diễn biến thanh khoản và vị thế mở HĐTL

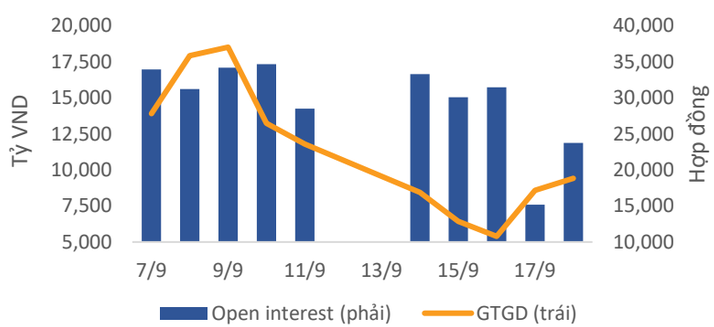


*Nguồn: FiinPro, BSC Research*

**TTCK VIỆT NAM**

***Kiểm tra đỉnh ngắn hạn tại 905 điểm.*** Diễn biến thị trường bị gây nhiễu trong tuần HĐTL đáo hạn và các ETFs cơ cấu danh mục quý III. Dòng tiền nội chủ động bắt đáy trong phiên rung lắc và luân chuyển tích cực qua các nhóm ngành và cổ phiếu tiếp tục là điểm sáng và hỗ trợ chỉ số vượt qua ngưỡng tâm lý 900 điểm trong phiên cuối tuần. VN-Index tăng 1.35% trong tuần với mức tăng trên diện rộng với 17/19 ngành. Nhóm cổ phiếu tăng vượt trội trong tuần gồm ngành Tài nguyên, Công nghệ thông tin, Xây dựng và vật liệu và Dịch vụ tài chính. Hoạt động tăng giảm và giao dịch quay vòng xen kẽ tại các cổ phiếu vừa và nhỏ đang đẩy dần mặt bằng giá lên cùng 247 cổ phiếu tăng so với 122 cổ phiếu giảm. Với diễn biến tích cực tại vùng tích lũy, VN-Index đang có cơ hội vượt đỉnh ngắn hạn 905 điểm, qua đó tiếp tục xác lập xu thế tăng điểm khi có thông tin hỗ trợ trong tuần tới.

**TTCK THẾ GIỚI**

**NHTW các nước và khu vực chủ chốt duy trì lãi suất thấp, cuộc chơi trên thị trường tài chính chưa kết thúc**. 1 tuần sau quyết định của ECB giữ nguyên lãi tái cấp vốn 0.25%, lãi suất tiền gửi -0.5% và các chương trình kích thích đối phó dịch Covid-19, FED cũng giữ nguyên lãi suất 0% - 0.25%, phát tín hiệu không nâng lãi suất cho đến năm 2023 và cam kết duy trì mua 80 tỷ USD trái phiếu Chính phủ và 40 tỷ USD chứng khoán đảm bảo bằng khoản thế chấp mỗi tháng. BOJ cũng duy trì chính sách siêu nới lỏng, theo đó giữ nguyên lãi suất ngắn hạn ở mức -0.1%, duy trì mục tiêu lãi suất dài hạn quanh 0% và cam kết mua trái phiếu Chính phủ không giới hạn. Mặc dù vẫn chịu áp lực bán sau vùng đỉnh, các chỉ số CK Mỹ đã ổn định và biến động trong biên độ nhẹ trong khi các TTCK Châu Á hồi phục nhẹ với sự mức tăng dẫn đầu 2.4% từ Trung Quốc. Cùng với thông tin trên, dự trữ dầu thô Mỹ giảm giúp giá dầu tăng trên 10% và đóng góp chính cho mức tăng 1.7% của chỉ số hàng hóa; ngược lại USD Index giảm -0.5% so với hầu hết các tiền tệ khác. Thị trường Mỹ đang tích lũy lại sau nhịp rung lắc tuy nhiên với định hướng chính sách hiện tại, cuộc chơi trên thị trường tài chính vẫn chưa có hồi kết.

# PTKT VN-INDEX: *Tiềm năng bứt phá vượt 900 điểm*

**Đồ thị tuần:** VNIndex có một tuần dao động trong khu vực 890-900 điểm sau một tuần điều chỉnh giảm trước đó. Chỉ số vẫn đang giằng co tại vùng hợp lưu của hai đường SMA50 và SMA200. ADX tiếp tục sụt giảm xuống dưới giá trị 17.5 nhưng các chỉ báo kỹ thuật vẫn đang nghiêng về chiều hướng tích cực, trong khi đó, khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với tuần trước đó và đang ở trên mức trung bình 20 tuần gần nhất. Đường MACD vẫn đang duy trì trên đường tín hiệu với khoảng cách đang có chiều hướng mở rộng. Ngưỡng hỗ trợ của chỉ số trong ngắn hạn là tại khu vực 885-900 điểm, tương ứng với giá trị hiện tại của SMA50.

**Một vài đặc điểm chú ý:**

- SMA50 chuẩn bị cắt lên trên SMA200, góp phần củng cố đà tăng trung hạn.
- Thanh khoản thị trường giữ ổn định ở sát giá trị trung bình 20 phiên.

**Nhận định:** VNIndex đang ở trong trạng thái tích lũy ngắn hạn khi vùng điểm xung quanh 900 vẫn là một ngưỡng kháng cự khá mạnh. Việc thanh khoản đang duy trì giá trị khá tốt và ổn định cho thấy các nhà giao dịch trên thị trường hiện nay vẫn đang hoạt động tương đối tích cực để tìm kiếm cơ hội mới khi mà viễn cảnh sắp tới là khá sáng sủa. Theo đánh giá hiện tại thì VNIndex trong tuần tới có thể xuất hiện sự bứt phá và hướng đến vùng kháng cự tiếp theo tại khu vực 915-920 điểm. Mặt khác, việc chương trình kích cầu du lịch giai đoạn 2 chuẩn bị diễn ra sẽ là thông tin hỗ trợ quan trọng giúp cho các cổ phiếu thuộc các ngành liên quan như Hàng không, Du lịch và Giải trí tiếp tục đà vận động tích cực của mình.

**Đồ thị**

*Nguồn: BSC Research*

# TIN VĨ MÔ: *FED giữ lãi suất thấp tới năm 2023*

**VIỆT NAM:**

• Chính phủ yêu cầu: NHNN hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2020/TT-NHNN trước ngày 30/9/2020 và các quy định liên quan theo hướng mở rộng phạm vi thời gian các khoản nợ bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 được cơ cấu lại và giữ nguyên nhóm nợ để phù hợp với diễn biến dịch COVID-19 và tiếp tục hỗ trợ người dân, doanh nghiệp; Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, ban hành dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP để đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Bộ Tài chính rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước ngày 25/9, việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020 giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Cho phép các bộ, cơ quan trung ương và địa phương được giải ngân toàn bộ số kế hoạch đầu tư vốn các năm 2018, 2019 đã được kéo dài sang năm 2020 đến hết ngày 31/12. Bộ, cơ quan trung ương và địa phương giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020 cho các dự án trước 30/9. Dự kiến tốc độ tăng trưởng GDP năm 2021 khoảng 6-6.5%.

• Theo Tổng cục Hải quan, lũy kế tám tháng đầu 2020, xuất khẩu tăng 2.3% YoY, đạt 175.4 tỷ USD. Xuất khẩu thuộc doanh nghiệp FDI giảm -3.9% YoY, đạt 112.7 tỷ USD. Nhập khẩu giảm -2.4% YoY, đạt 161.9 tỷ USD. Nhập khẩu thuộc doanh nghiệp FDI giảm -6.0%, đạt 90.1 tỷ USD.

**THẾ GIỚI:**

• Doanh số bán lẻ của Mỹ tăng 0.6% MoM trong tháng 8, sau khi tăng 0.9% MoM trong tháng 7. Doanh số bán lẻ cơ bản giảm 0.1% MoM trong tháng 8, sau khi tăng 0.9% MoM trong tháng 7. Sản lượng công nghiệp Mỹ tăng 0.4% MoM trong tháng 8, sau khi tăng 3.5% MoM trong tháng 7.

• Trong cuộc họp chính sách ngày 15-16/9, FED duy trì lãi suất tại mức 0-0.25%. 9/10 thành viên FOMC cho rằng lãi suất duy trì tại mức này tới hết 2022. 6/10 thành viên FOMC cho rằng lãi suất duy trì tại mức này trong 2023. FED đưa ra mục tiêu duy trì chính sách kích thích vĩ mô tới khi lạm phát vượt trên 2%, nhắm tới mục tiêu trung bình lạm phát và kỳ vọng lạm phát dài hạn neo tại mức 2%. FED tiếp tục mua trái phiếu chính phủ với mức 120 tỷ USD/tháng, nhằm tiếp tục trợ giúp môi trường tài chính. FED dự báo GDP Hoa Kỳ giảm -3.7% trong 2020 (-6.5% trong ước tính hồi tháng 6). Tuy vậy, FED hạ dự báo GDP Hoa Kỳ về 4% cho năm 2021 (vs. 5%). Tỷ lệ thất nghiệp được ước tính giảm xuông 7.6% (vs. 9.3%) cho 2020, và 5.5% (vs. 6.5%) cho 2021.

• Bán lẻ hàng hóa Trung Quốc tăng 0.5% YoY trong tháng 8, tháng tăng đầu tiên trong năm nay, cải thiện so cùng mức giảm -1.1% YoY trong tháng 7. Lũy kế tám tháng, bán lẻ hàng hóa giảm 8.6% YoY. Sản xuất công nghiệp Trung Quốc tăng 5.6% YoY trong tháng 8, cải thiện so cùng mức tăng 4.8% YoY trong tháng 7. Lũy kế tám tháng, sản xuất công nghiệp tăng 0.4% YoY. \

**THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:**

• Dòng tiền nội ổn định, vận động luân chuyển ngành và cổ phiếu đang hỗ trợ cho xu hướng ngắn hạn.

• Khối ngoại bán ròng kìm hãm đà tăng của của chỉ số.

• Ngày 21/9, Chủ tịch FED phát biểu. 22/9, Chủ tịch NHTW BOE phát biểu; Chủ tịch FED điều trần trước quốc hội kéo dài 3 ngày; niềm tin tiêu dùng của EU. 23/9, Chỉ số PMI hàng hóa và dịch vụ của Anh, Pháp, Đức, EU và Mỹ; Dự trữ dầu thô. 24/9, Đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu Mỹ; Bộ trưởng tài chính Mỹ phát biểu; NHTW Thụy Sỹ công bố báo cáo đánh giá chính sách tiền tệ. 25/9, Đơn đặt hàng hóa lâu bền của Mỹ.

# PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

| NTP | | | |
|---|---|---|---|
| Xu hướng hiện tại | | Giá mục tiêu | 37 |
| | | Giá cắt lỗ | 30.7 |
| 33.3 | Tăng giá | Kháng cự | 33.5 |
| | | Hỗ trợ | 32 |
| Upside 11.11% | Khuyến nghị kỹ thuật | MACD | ↑ |
| | | RSI | ↓ |
| CTCP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong | Khả quan | Moving Average | ↑ |
| | | Thanh khoản | ↔ |

*Nguồn: BSC Research*

| SHS | | | |
|---|---|---|---|
| Xu hướng hiện tại | | Giá mục tiêu | 13.5 |
| | | Giá cắt lỗ | 11 |
| 11.9 | Tăng giá | Kháng cự | 12.2 |
| | | Hỗ trợ | 11.5 |
| Upside 13.45% | Khuyến nghị kỹ thuật | MACD | ↑ |
| | | RSI | ↑ |
| CTCP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội | Tích cực | Moving Average | ↑ |
| | | Thanh khoản | ↔ |

*Nguồn: BSC Research*

# PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

| STK | | | |
|---|---|---|---|
| Xu hướng hiện tại | | Giá mục tiêu | 17 |
| | | Giá cắt lỗ | 14.25 |
| 15.15 | Tích lũy | Kháng cự | 15.25 |
| | | Hỗ trợ | 14.75 |
| Upside 12.21% | Khuyến nghị kỹ thuật | MACD | ↑ |
| | | RSI | ↔ |
| | | Moving Average | ↑ |
| CTCP Sợi Thế Kỷ | Khả quan | Thanh khoản | ↔ |

| FRT | | | |
|---|---|---|---|
| Xu hướng hiện tại | | Giá mục tiêu | 29 |
| | | Giá cắt lỗ | 23 |
| 24.9 | Tăng giá | Kháng cự | 25.3 |
| | | Hỗ trợ | 24 |
| Upside 16.47% | Khuyến nghị kỹ thuật | MACD | ↑ |
| | | RSI | ↑ |
| | | Moving Average | ↑ |
| CTCP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội | Tích cực | Thanh khoản | ↔ |

*Nguồn: BSC Research*

*Nguồn: BSC Research*

# VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

| TTCK | Phiên gần nhất | % Ngày | % Tuần | % Tháng |
|---|---|---|---|---|
| US (S&P500) | 3,319.47 | -1.12% | -0.64% | -1.95% |
| EU (EURO STOXX 50) | 3,283.69 | -0.99% | -0.97% | 0.73% |
| China (SHCOMP) | 3,338.09 | 2.07% | 2.38% | -1.26% |
| Japan (NIKKEI) | 23,360.30 | 0.18% | -0.20% | 1.92% |
| Korea (KOSPI) | 2,412.40 | 0.26% | 0.66% | 4.68% |
| Singapore (STI) | 2,497.71 | -0.12% | 0.31% | -1.22% |
| Thailand (SET) | 1,288.39 | 0.31% | 0.66% | -1.55% |
| Phillipines (PCOMP) | 5,908.90 | -0.58% | -0.99% | -2.20% |
| Malaysia (KLCI) | 1,506.63 | -0.43% | 1.11% | -4.51% |
| Indonesia (JCI) | 5,059.22 | 0.41% | 0.85% | -4.05% |
| Vietnam (VN-INDEX) | 900.95 | 0.77% | 1.35% | 6.22% |

| Mặt hàng | Đơn vị | Giá | % Ngày | % Tuần | % Tháng | Tích cực | Tiêu cực |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dầu WTI | USD/bbl. | 41.11 | 0.34% | 10.13% | -4.66% | GAS, BSR | PVD, PVT |
| Dầu Brent | USD/bbl. | 43.15 | -0.35% | 8.34% | -5.95% | GAS, BSR | PVD, PVT |
| Xăng | USd/gal. | 123.66 | 1.00% | 12.94% | 0.96% | PLX, OIL | HVN, VJC |
| Vàng | USD/oz. | 1,950.86 | 0.33% | 0.53% | 1.13% | | PNJ |
| Bạc | USD/oz. | 26.78 | -0.93% | 0.20% | 0.31% | | PNJ |
| Đậu tương | USd/bu. | 1,043.50 | 1.46% | 4.77% | 14.20% | HKB | DBC, QNS |
| Lúa mì | USd/bu. | 575.00 | 3.37% | 6.09% | 11.11% | | AFX |
| Sữa | USD/cwt | 19.59 | 2.89% | 1.98% | 15.78% | VNM, GTN, QNS | KDC |
| Cao su | JPY/kg | 186.00 | 0.38% | 5.26% | | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC |
| Đường | USd/lb. | 13.38 | 1.13% | 6.19% | -0.45% | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS |
| Cà phê | USd/lb. | 113.50 | -3.81% | -14.31% | -6.24% | VCF, CTP | CTP, DLG |
| Đồng | USD/MT | 6,812.50 | 0.47% | 1.09% | 3.73% | MSN, ACM, BGM | CAV, SAM, TGP, VTH |
| Thép | CNY/MT | 3,596.00 | 0.45% | -1.40% | -5.07% | PC1, CTD, HBC | HSG, HPG, NKG |
| Nhôm | USD/MT | 1,792.50 | 0.65% | 0.99% | 1.07% | | CAV, SAM, TGP, VTH |
| Quặng sắt | CNY/MT | 799.00 | 1.08% | -3.56% | -7.09% | HSG, HPG | HSG, HPG |
| Than đá | USD/MT | 57.40 | 1.59% | 6.00% | 11.46% | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

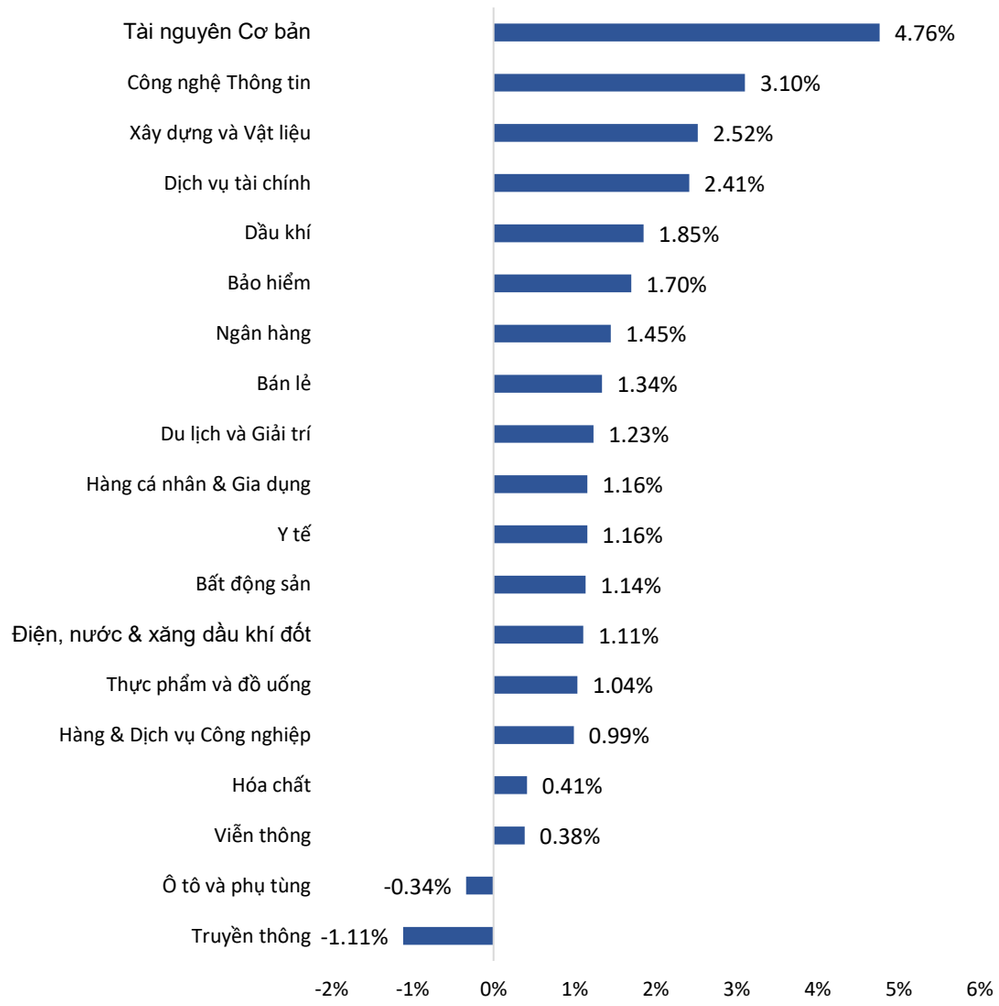


*Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research*

# VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

**Top tăng điểm số VN-Index**

| Mã | % tăng | Điểm số |
|---|---|---|
| VIC | +3.18% | 2.756 |
| VNM | +2.10% | 1.27 |
| HPG | +5.11% | 1.16 |
| BID | +1.36% | 0.62 |
| MBB | +5.04% | 0.62 |
| TCB | +2.35% | 0.49 |
| FPT | +4.17% | 0.45 |
| HSG | +19.33% | 0.29 |
| VPB | +1.75% | 0.28 |
| NVL | +1.59% | 0.272 |
| **Tổng** | | 8.205 |

**Khối ngoại mua ròng**

| Mã | Mua ròng | SHNN |
|---|---|---|
| VIC | 146.80 | 13.80 |
| VRE | 88.35 | 30.72 |
| E1VFVN3 | 78.23 | |
| PLX | 66.85 | 15.77 |
| DPM | 37.24 | 11.64 |
| SSI | 34.97 | 48.57 |
| HSG | 34.93 | 9.59 |
| FUEVFVN | 28.46 | |
| VCB | 23.11 | 23.52 |
| PHR | 18.64 | 12.99 |
| **Tổng** | 557.58 | |

**Top giảm điểm số VN-Index**

| Mã | % giảm | Điểm số |
|---|---|---|
| VHM | -1.03% | -0.753 |
| BCM | -3.70% | -0.465 |
| MSN | -1.45% | -0.264 |
| HDB | -1.98% | -0.165 |
| GEX | -4.55% | -0.158 |
| GVR | -0.78% | -0.112 |
| HAG | -5.31% | -0.068 |
| PAN | -5.07% | -0.067 |
| DAT | -11.11% | -0.065 |
| OGC | -10.33% | -0.057 |
| **Tổng** | | -2.174 |

**Khối ngoại bán ròng**

| Mã | Mua ròng | SHNN |
|---|---|---|
| VHM | -460.09 | 22.23 |
| VNM | -152.01 | 58.44 |
| GEX | -116.78 | 14.58 |
| BID | -105.99 | 17.54 |
| HPG | -82.69 | 34.27 |
| HDB | -81.66 | 20.57 |
| NBB | -74.49 | 5.25 |
| POW | -70.14 | 10.92 |
| SAB | -65.26 | 63.20 |
| GAS | -62.31 | 3.22 |
| **Tổng** | -1271.42 | |

Hồi phục

Ma trận tương quan cổ phiếu thuộc VN30 vs. VN-Index

Tích cực

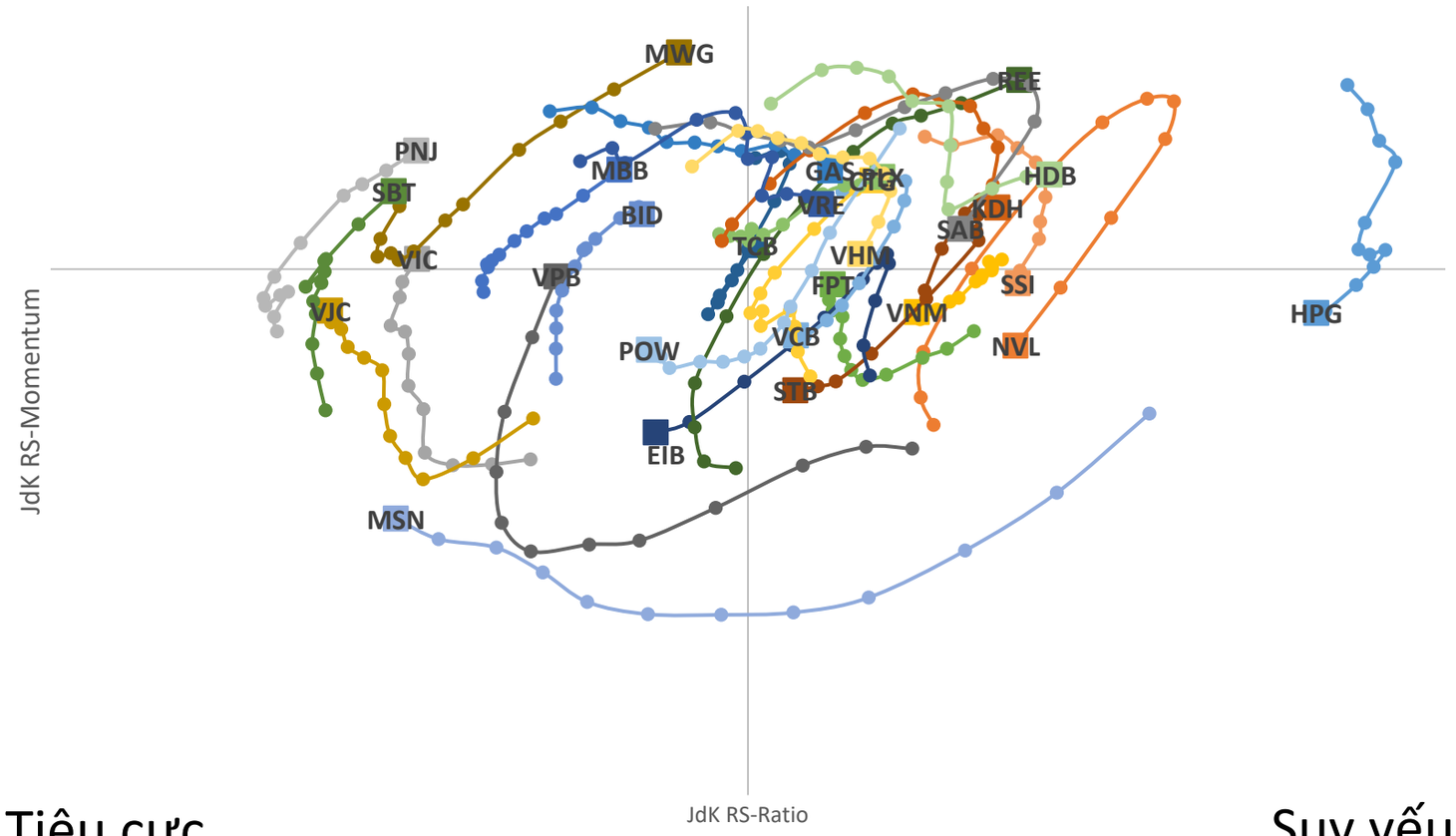


Tiêu cực

Suy yếu

*Chú thích: Tham khảo phụ lục vận động cổ phiếu trong VN-Index*

*Nguồn: Bloomberg, BSC Research*

# DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

**Vận động khối ngoại trên sàn HSX**

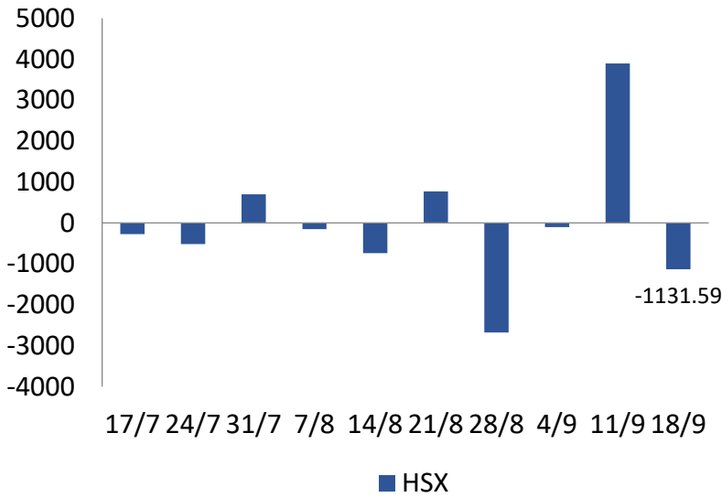


**Giao dịch tự doanh**

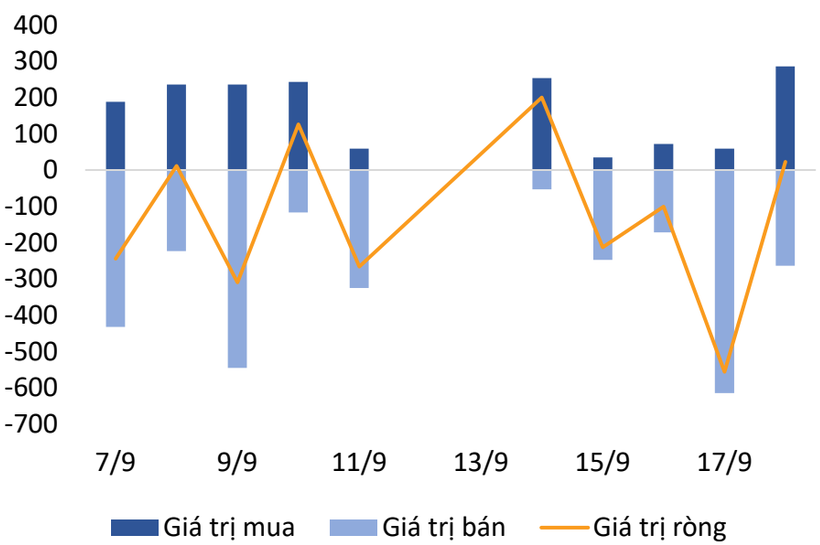


| ETF | AUM (tr. USD) | NAV/CP (USD) | ± Chứng chỉ quỹ | % Premium | Dòng vốn ròng (tr. USD) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | 1W | 1M | 3M |
| VNM | 389.63 | 15.04 | 0.00 | -0.69% | 0.00 | 7.36 | 20.68 |
| FTSE | 234.86 | 28.49 | 0.00 | -0.76% | 0.00 | -1.48 | 4.93 |
| iShare | 378.01 | 25.98 | 0.00 | -0.31% | 0.00 | 0.00 | -3.68 |
| E1VFVN30 | 252.07 | 0.60 | 0.90 | 0.47% | 3.71 | 12.75 | 10.37 |
| FUEVFVND | 88.15 | 0.55 | 0.90 | 0.51% | 1.82 | 13.76 | 36.50 |
| FUESSVFL | 30.70 | 0.42 | 0.00 | 0.05% | -2.93 | -2.89 | 7.02 |
| FUESSVN30 | 2.53 | 0.44 | 0.00 | 0.55% | 0.00 | | |
| VN100 | 2.49 | 0.47 | 0.00 | 0.64% | 0.05 | 0.00 | |
| KIM | 168.59 | 10.67 | 0.00 | 0.13% | 2.12 | 2.09 | 6.12 |
| PREMIA | 20.43 | 9.04 | 0.00 | -0.45% | 0.00 | -4.26 | -4.01 |

**Nhận định:** ***Khối ngoại duy trì bán ròng dù quy mô giảm lại.*** Hoạt động bán ròng tập trung vào một số cổ phiếu chủ chốt từ hoạt động thoái vốn từ các quỹ offshore và cơ cấu danh mục của các quỹ ngoại trong nước. Các ETFs tiếp tục huy động được dòng vốn mới, chủ yếu từ E1VN30. Hoạt động thoái vốn chưa sớm dừng lại khi xu thế rút khỏi khu vực Frontier và emerging market vẫn chiếm ưu thế.

*Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research*

# CẬP NHẬT i-BROKER

| Mã gõ báo cáo | Ngày | Nội dung tóm tắt |
|---|---|---|
| SAB 2020Q3 | 17/9/20 | Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá mục tiêu **193300;** Giá tại Publish **188200**<br>**Định giá:** BSC khuyến nghị THEO DÕI SAB với giá mục tiêu là 193,300 đồng/cp, upside 2.7% so với giá ngày 15/9/2020 dựa trên 2 phương pháp DCF và PE với mức PE mục tiêu là 29x (tăng so với PE mục tiêu là 24x). Chúng tôi nâng định giá PE với kỳ vọng Sabeco phục hồi nhờ: (1) Kích cầu tiêu dùng thông qua các chương trình quảng cáo, khuyến mãi; (2) Tái cơ cấu hàng tồn kho và kênh bán hàng hiệu quả; (3) Tối ưu hóa chi phí nhờ áp dụng chương trình Sabeco 4.0 và hưởng lợi giá NVL thấp. |
| PNJ 2020Q3 | 7/9/20 | Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá mục tiêu **65000;** Giá tại Publish **60000**<br>**Dự báo KQKD:** BSC dự báo DTT và LNST của PNJ FY2020E lần lượt là 15,874 tỷ đồng (-6.6% Y/Y) và 881 tỷ đồng (-25.9% Y/Y) tương đương EPS fw 2020E là 3,877 VND/CP (đã trừ QKTPL), PE fw = 15.6x và PB fw = 2.7x. LNST giảm -25.9% YoY so với báo cáo trước là -11.8% YoY do thay đổi giả định<br>**Rủi ro Đầu tư:** (1) Sức mua trang sức của người dân đang chững lại, đặc biệt ở TTTM do dịch bệnh COVID-19, (2) Doanh thu xuất khẩu và bán sỉ giảm tương đối do nhu cầu giảm, (3) Chi phí lãi vay tăng làm giảm LNST. |
| VNM 2020Q3 | 27/8/20 | Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá mục tiêu **122100**; Giá tại Publish **118000**<br>**Dự báo KQKD:** BSC điều chỉnh dự báo KQKD 2020 của VNM với DTT và LNST đạt lần lượt là 60,386 tỷ đồng (+7.2% YoY) và 11,300 tỷ đồng (+6.8% YoY), tương đương EPS fw là 6,043đ , PE fw là 19.3x , PB fw là 5.9x. Thay đổi dự phóng LNST tăng +6.8% so với báo cáo trước (+4.6% YoY) do giả định về tăng biên gộp, giảm chi phí SGA/DTT và tăng doanh thu tài chính.<br>**Catalyst:** IPO Công ty Sữa Mộc Châu vào cuối Q3 giúp tăng minh bạch. Trả cổ tức bằng tiền 20% và phát hành cổ phiếu thường 20% vào 30/09/2020. |
| Express BMP 2020Q3 | 27/8/20 | Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá mục tiêu **59500**; Giá tại Publish **57000**<br>**Dự báo KQKD:** BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của BMP đạt 4,461 tỷ (+2.9% YoY) với sản lượng tiêu thụ tăng 3% YoY, đạt 108,150 tấn do đánh giá tình hình xây dựng nói chung khó khăn hơn trong 2H2020. Với giả định giá hạt nhựa bình quân giảm 3% so với cùng kỳ, LNST ước đạt 496.4 tỷ đồng (+17.8% YoY), tương đương với EPS = 5,458 đồng/CP. |
| VGT 2020Q3 | 28/7/20 | Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish **7300**<br>Dự báo KQKD: Năm 2020, tập đoàn đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt là 14,640 tỷ (-27.3% YoY) và 381 tỷ (-50.2% YoY), tương ứng với EPS fw 2020 là 444 VND/cp, P/E fw 2020 là 16.4.<br>Rủi ro Đầu tư: (1) Tình hình dịch bệnh Covid – 19 ảnh hưởng tiêu cực đến tốc độ phục hồi của đơn hàng truyền thống trong 6 tháng cuối năm, (2)Rủi ro phá sản từ khách hàng của các công ty thành viên trong Tập đoàn |

**Sử dụng iBroker tại đây** Link

**Hướng dẫn sử dụng** Link

**Room tư vấn Skype**

**Room tư vấn Zalo**

# CẬP NHẬT i-INVEST

*** Danh mục đáng chú ý trong tuần: Theme_Lãi suất giảm_8.8%**

| Danh mục | Hiệu suất danh mục | | | | | | Độ lệch chuẩn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Ngày | Tuần | Tháng | Quý | Nửa năm | Năm | |
| **Chủ đề** (Click để xem báo cáo) | 23/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX | | | | | | |
| Lãi suất giảm | 0.3% | 2.6% | **8.8%** | 21.9% | 21.9% | 18.1% | 33.6% |
| Đầu tư công | 0.5% | 4.1% | **6.8%** | 23.0% | 23.0% | 16.0% | 28.4% |
| Xây dựng | 0.1% | 4.6% | **6.3%** | 21.4% | 21.4% | 12.2% | 31.7% |
| Vật liệu Xây dựng | 1.7% | 5.6% | **5.8%** | 18.5% | 18.5% | 15.8% | 29.7% |
| Corona Avengers | 0.9% | 2.9% | **5.5%** | 14.6% | 14.6% | 10.4% | 36.8% |
| Bảo hiểm & Chứng khoán | 1.2% | 2.9% | **5.2%** | 14.7% | 14.7% | 7.6% | 31.5% |
| Cổ tức cao - Thanh khoản tốt | 0.3% | 1.0% | **4.8%** | 15.7% | 15.7% | 18.3% | 22.4% |
| Chiến tranh thương mại | 0.3% | 0.3% | **4.4%** | 19.9% | 19.9% | 3.7% | 31.9% |
| Stay-at-home | 0.3% | 0.9% | **4.3%** | 18.1% | 18.1% | 23.5% | 35.3% |
| Bất động sản Khu công nghiệp | 0.2% | -0.2% | **4.1%** | 20.0% | 20.0% | 20.9% | 31.3% |
| Cổ phiếu hết room ngoại | 1.8% | 2.7% | **3.7%** | 15.9% | 15.9% | -2.0% | 31.3% |
| Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền | 1.3% | 2.6% | **3.5%** | 14.3% | 14.3% | 1.6% | 28.6% |
| Nước & Năng lượng | 0.2% | 0.9% | **3.4%** | 16.2% | 16.2% | 4.6% | 27.2% |
| Hàng tiêu dùng | 0.4% | 1.1% | **3.1%** | 14.6% | 14.6% | 5.1% | 30.6% |
| FTSE Việt Nam | 0.8% | 1.9% | **3.1%** | 8.4% | 8.4% | -3.2% | 26.3% |
| Dầu khí | 0.7% | 4.1% | **3.0%** | 11.4% | 11.4% | -14.8% | 40.9% |
| Cổ phiếu ngành Dược | -0.3% | 0.6% | **3.0%** | 16.0% | 16.0% | 6.2% | 22.6% |
| Ngân Hàng | 2.3% | 3.4% | **2.8%** | 16.5% | 16.5% | 6.4% | 34.9% |
| MSCI frontier 100 Việt Nam | 0.7% | 1.5% | **2.5%** | 8.6% | 8.6% | -6.0% | 26.2% |
| VN Diamond | 2.0% | 2.5% | **2.5%** | 12.4% | 12.4% | -7.6% | 32.5% |
| Top 10 cổ phiếu VN30 | 1.2% | 2.5% | **2.4%** | 12.4% | 12.4% | -1.4% | 29.4% |
| Tăng trưởng - định giá hấp dẫn | 1.3% | 2.6% | **2.3%** | 12.7% | 12.7% | -9.5% | 33.8% |
| VN FinSelect | 1.7% | 2.0% | **2.2%** | 9.0% | 9.0% | -2.8% | 31.1% |
| Cổ phiếu đầu ngành tài chính | 1.6% | 2.0% | **1.9%** | 9.0% | 9.0% | -3.0% | 32.8% |
| Bất động sản & Khu công nghiệp | 0.5% | 0.8% | **1.5%** | 15.8% | 15.8% | 2.5% | 26.0% |

| Danh mục | Hiệu suất danh mục | | | | | | Độ lệch chuẩn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Ngày | Tuần | Tháng | Quý | Nửa năm | Năm | |
| **Mục tiêu** | 9/8 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX | | | | | | |
| S21 | 0.9% | 3.0% | **5.9%** | 17.7% | 17.7% | 1.7% | 29.2% |
| S11 | 1.2% | 2.6% | **5.0%** | 16.0% | 16.0% | 15.2% | 27.2% |
| L22 | 0.9% | 2.6% | **4.2%** | 15.4% | 15.4% | -2.1% | 29.4% |
| L32 | 1.3% | 3.1% | **4.2%** | 12.8% | 12.8% | -9.0% | 32.3% |
| S32 | 1.0% | 2.9% | **3.9%** | 13.4% | 13.4% | -8.1% | 35.3% |
| L11 | 1.0% | 1.9% | **2.8%** | 12.9% | 12.9% | 0.2% | 25.9% |
| M12 | 1.5% | 2.4% | **2.7%** | 11.4% | 11.4% | -0.7% | 27.0% |
| M22 | 1.1% | 2.5% | **2.3%** | 12.0% | 12.0% | 6.1% | 27.3% |
| M31 | 1.1% | 1.4% | **1.9%** | 14.5% | 14.5% | -0.6% | 32.2% |
| **Khẩu vị Rủi ro** | 3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX | | | | | | |
| MID1 | 1.5% | 3.0% | **5.6%** | 19.2% | 19.2% | 15.1% | 27.0% |
| HIGH3 | 1.0% | 2.8% | **3.8%** | 13.2% | 13.2% | -1.8% | 30.0% |
| LOW1 | 1.4% | 2.3% | **3.1%** | 9.6% | 9.6% | -1.7% | 27.1% |
| **INDEX** | | | | | | | |
| VNINDEX | 0.8% | 1.3% | **2.2%** | 9.2% | 9.2% | -6.2% | 25.7% |
| VN30INDEX | 1.1% | 1.9% | **2.1%** | 9.2% | 9.2% | -4.3% | 27.0% |

## Tham chiếu chỉ số VNINDEX

| Danh mục | Tổng số | Ngày | | Tuần | | Tháng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thắng | Thua | Thắng | Thua | Thắng | Thua |
| Chủ đề | **25** | **11** | 14 | **17** | 8 | **23** | 2 |
| Mục tiêu | **9** | **9** | 0 | **9** | 0 | **8** | 1 |
| Rủi ro | **3** | **3** | 0 | **3** | 0 | **3** | 0 |

***Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link: https://invest.bsc.com.vn/#/login**

# CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT Tuần

**Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế**

| Ngày ra báo cáo | Mã CK | Giá đóng cửa ngày báo cáo | Giá chốt lời | Giá cắt lỗ | Giá hiện tại | Số ngày nắm giữ | Lãi / Lỗ | Khuyến nghị hiện tại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 17/9/20 | PTB | 53.3 | 60 | 48 | 53.8 | 1 | 0.94% | Có thể tiếp tục mua |
| 16/9/20 | PVS | 12.9 | 14.5 | 12 | 12.9 | 2 | 0.00% | Có thể tiếp tục mua |
| 15/9/20 | STB | 11.6 | 13 | 11 | 11.65 | 3 | 0.43% | Có thể tiếp tục mua |
| 14/9/20 | TCT | 27.95 | 35 | 25 | 28.6 | 4 | 2.33% | Có thể tiếp tục mua |
| 11/9/20 | HDG | 24.1 | 28 | 21 | 24.6 | 7 | 2.07% | Có thể tiếp tục mua |
| 10/9/20 | GMD | 23.8 | 26.7 | 20.5 | 24.05 | 8 | 1.05% | Có thể tiếp tục mua |
| 9/9/20 | CVT | 18.65 | 20.8 | 17.5 | 19.05 | 9 | 2.14% | Có thể tiếp tục mua |
| 8/9/20 | ANV | 18.9 | 21 | 17.5 | 19.4 | 10 | 2.65% | Có thể tiếp tục mua |
| 7/9/20 | TIG | 6.7 | 7.4 | 6.3 | 7.1 | 11 | 5.97% | Có thể tiếp tục mua |
| 4/9/20 | VCS | 67 | 76 | 60 | 67.3 | 14 | 0.45% | Có thể giữ nguyên vị thế |
| 3/9/20 | TNG | 12.6 | 15 | 12 | 13.5 | 15 | 7.14% | Có thể tiếp tục mua |
| 31/8/20 | VJC | 103 | 112 | 100 | 106 | 18 | 2.91% | Có thể tiếp tục mua |
| 28/8/20 | VPB | 23.6 | 25 | 22.2 | 23.25 | 21 | -1.48% | Có thể giữ nguyên vị thế |
| 27/8/20 | GTN | 25.4 | 31.1 | 22.1 | 26.5 | 22 | 4.33% | Có thể giữ nguyên vị thế |
| 25/8/20 | MWG | 87.6 | 103 | 84 | 94.5 | 24 | 7.88% | Có thể giữ nguyên vị thế |
| 21/8/20 | GVR | 11.85 | 13 | 11.4 | 12.75 | 28 | 7.59% | Cân nhắc không mua thêm (**) |
| 20/8/20 | SHB | 13.4 | 15.4 | 12.6 | 14.5 | 29 | 8.21% | Có thể tiếp tục mua |
| 17/8/20 | VTP | 98.4 | 118.27 | 93.43 | 103.5 | 32 | 5.18% | Có thể giữ nguyên vị thế |
| 11/8/20 | ACB | 19.55 | 23.09 | 18.86 | 21.7 | 38 | 11.00% | Có thể giữ nguyên vị thế |
| 10/8/20 | VEA | 44.4 | 46.5 | 41.5 | 44.7 | 39 | 0.68% | Có thể tiếp tục mua |
| 6/8/20 | LCG | 7.39 | 9.99 | 6.61 | 8.76 | 43 | 18.54% | Có thể tiếp tục mua |
| 3/8/20 | CTD | 67.45 | 81.79 | 63.51 | 73.3 | 46 | 8.67% | Cân nhắc đóng vị thế (*) |
| 1/7/20 | HAX | 12.8 | 15 | 11 | 12.7 | 79 | -0.78% | Có thể giữ nguyên vị thế |
| 24/6/20 | TRC | 30.69 | 38.61 | 27.23 | 34.5 | 86 | 12.41% | Có thể tiếp tục mua |
| 18/6/20 | HPG | 21.93 | 26.18 | 19.64 | 25.7 | 92 | 17.19% | Cân nhắc không mua thêm (**) |
| 16/6/20 | VHM | 74.9 | 90 | 70 | 76.9 | 94 | 2.67% | Cân nhắc đóng vị thế (*) |

**Chú thích:** (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt (**) Tiệm cận giá mục tiêu

**Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế**

| Ngày ra báo cáo | Mã CK | Giá đóng cửa ngày báo cáo | Giá chốt lời | Giá cắt lỗ | Trạng thái | Số ngày nắm giữ | Lãi / Lỗ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1/9/20 | VGT | 8.1 | 9 | 7.5 | TP | 7 | 11.11% |
| 26/8/20 | DRC | 17.15 | 18.1 | 16 | TP | 14 | 5.54% |
| 24/8/20 | BVH | 46.9 | 50 | 44.5 | TP | 7 | 6.61% |
| 19/8/20 | TCB | 20.2 | 21.5 | 19.2 | TP | 9 | 6.44% |
| 18/8/20 | MBB | 17 | 18 | 16.2 | TP | 7 | 5.88% |
| 14/8/20 | DVN | 12.3 | 13.9 | 11.5 | TP | 4 | 13.01% |
| 13/8/20 | PLX | 46.6 | 48.3 | 44.6 | TP | 11 | 3.65% |
| 12/8/20 | GAS | 71.2 | 76 | 69.5 | TP | 22 | 6.74% |
| 7/8/20 | C32 | 22.97 | 24.72 | 21.78 | TP | 17 | 7.62% |
| 5/8/20 | C4G | 8.2 | 8.6 | 7.3 | TP | 1 | 4.88% |

**Chú thích:** Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ

| Thống kê | Số khuyến nghị lãi | Số khuyến nghị lỗ | Hiệu suất KN lãi | Hiệu suất KN lỗ | Hiệu suất bình quân | Số ngày nắm giữ bình |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Chưa chốt | 13 | 7 | 6.86% | -1.12% | 4.07% | 33 |
| Đã chốt | 26 | 28 | 12.16% | -9.00% | 1.19% | 18 |

# Phụ lục: *Tương quan cổ phiếu vs. VN-Index*

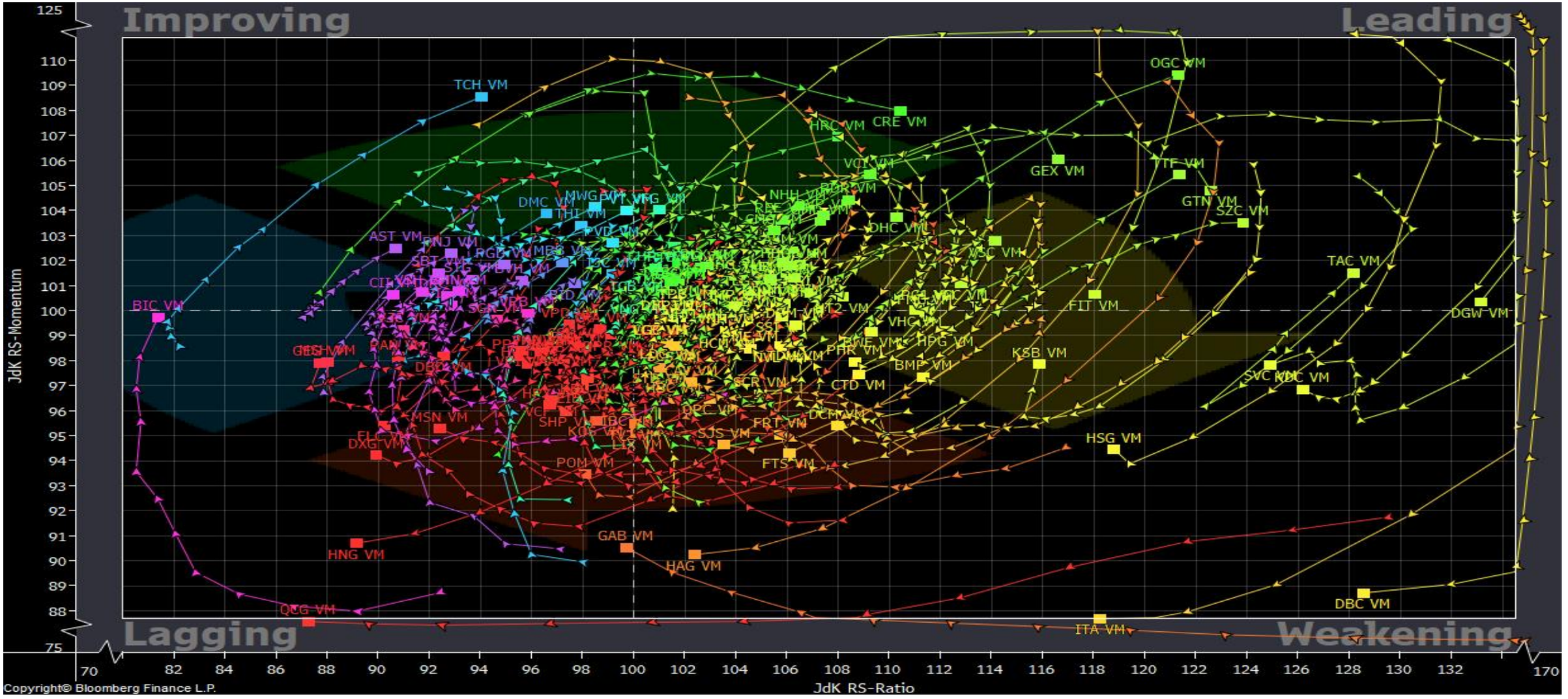


*Chú thích: 150 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất*

*Nguồn: Bloomberg*

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.*


**BSC Trụ sở chính**
Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

***Đối với Khách hàng tổ chức***
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

http://www.bsc.com.vn

**BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**
Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

***Đối với Khách hàng cá nhân***
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>